

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Minh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Hoàng Gi**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/6/2020, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Nh trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Hoàng Gi thành hôn vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/3/2012. Sau khi thành hôn thì vợ chồng chị sống và làm việc tại ấp V, xã Xuân, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được gần 06 năm, lúc đầu rất hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không được vui vẻ với nhau, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân khoảng 06 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Gi.

- Về con chung: có 01 con chung tên Võ Hoàng Anh D, sinh ngày 20/6/2013 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/7/2020, bị đơn anh Võ Hoàng Gi trình bày: Giữa anh và chị Nh thành hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/3/2012. Sau khi thành hôn thì vợ chồng sống tại ấp V, xã X. Thời gian chung sống 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do vợ chồng sống xa nhau nên vợ chồng không còn tình cảm. Nay theo yêu cầu ly hôn của vợ anh thì anh đồng ý. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Hoàng Anh D, sinh ngày 20/6/2013 hiện đang sống chung với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại văn bản (Biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được) ngày 23/7/2020, nguyên đơn chị Nh trình bày: Về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Gi. Về con chung chị đồng ý giao con chung cho anh Gi được tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc Nh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Võ Hoàng Gi cư trú tại ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Nh có đơn xin vắng mặt ngày 23/7/2020, bị đơn anh Võ Hoàng Gi có đơn xin vắng mặt ngày 06/7/2020. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Ngọc Nh và anh Võ Hoàng Gi thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 32 vào ngày 21/3/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh Gi là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Nh và anh Gi thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân 06 năm nay như lời trình bày của chị Nh và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh Gi vắng mặt không lý do, Tòa án tiếp tục ra giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh Gi có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng và có bản khai trình bày ý kiến là vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên không còn tình cảm, anh Gi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Nh và anh Gi không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Nh là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét con chung Võ Hoàng Anh D, sinh ngày 20/6/2013 hiện đang sống trực tiếp với anh Gi, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị Nh đồng ý để anh Gi được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Gi cũng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho anh Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc Nh và anh Võ Hoàng Gi không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc Nh phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Nh. Xử cho chị Nh ly hôn với anh Võ Hoàng Gi.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Võ Hoàng Anh D, sinh ngày 20/6/2013 cho anh Võ Hoàng Gi trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Ngọc Nh không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Phạm Thị Ngọc Nh và anh Võ Hoàng Gi không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị Ngọc Nh phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nh đã nộp theo biên lai thu số 0016159 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 21/3/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An